

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 320/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02/4/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ân

2. Bà Phan Thị Dòn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 837/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng G**, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, tổ *, Ấp *, xã V, huyện B, Thành phố H;

- Bị đơn: Ông **Phạm Thanh B**, sinh năm 1982 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: Nhà không số, Ấp *, xã V, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 21/6/2024, bản tự khai ngày 06/11/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu ông bà

chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã trong gia đình, không còn tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng cũng đã nhiều lần cố gắng hòa giải cũng như gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, hạnh phúc vợ chồng không còn nữa. Bà G và ông B đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà G và ông B không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Nguyễn Thị Hồng G yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh B.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B chung sống có 03 con chung tên là trẻ Phạm Nguyễn Thành C (giới tính: nam), sinh ngày: 22/11/2017, trẻ Phạm Nguyễn Như N (giới tính: Nữ), sinh ngày: 18/9/2020 và trẻ Phạm Nguyễn Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày: 23/10/2009. Khi ly hôn, bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là trẻ Phạm Nguyễn Thành C (giới tính: nam), sinh ngày: 22/11/2017, trẻ Phạm Nguyễn Như N (giới tính: Nữ), sinh ngày: 18/9/2020 và trẻ Phạm Nguyễn Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày: 23/10/2009. Bà G không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà G yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Thanh B vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng G đối với ông Phạm Thanh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Hồng G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh B. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh do Công an xã V, huyện B, Thành

phố H cung cấp thì: “Ông Phạm Thanh B có khai báo nơi ở tại địa chỉ: Nhà không số, Ấp *, xã V, huyện B, Thành phố H từ ngày 20/4/2023 đến tháng 9/2024, hiện tại không còn thuê nhà và đi đâu không rõ” nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng G.

+ Ông Phạm Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Thanh B.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn 146, quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T cấp ngày 27/11/2008 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, thường xuyên gây gỗ, cãi vã trong gia đình, không còn tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng cũng đã nhiều lần cố gắng hòa giải cũng như gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, hạnh phúc vợ chồng không còn nữa. Bà G và ông B đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà G và ông B không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Nguyễn Thị Hồng G yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh B.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Phạm Thanh B đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B. Nhưng ông B vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hoặc yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy ông B đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân cũng không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị Hồng G. Như vậy, ông B đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông Phạm Thanh B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hồng G xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Căn cứ vào Công văn trả lời xác minh số 5266/UBND ngày 25/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố H về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B thì được biết: *“Qua rà soát, Tổ hòa giải liên ấp 39-40 chưa có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu hòa giải tranh chấp hay mâu thuẫn hôn nhân và gia đình nào của bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1986 và ông Phạm Thanh B, sinh năm 1982 đề nghị giải quyết. Do đó Tổ hòa giải liên ấp 39-40 chưa có thực hiện hòa giải mâu thuẫn hôn nhân và gia đình giữa bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1986 và ông Phạm Thanh B, sinh năm 1982 .”*

Xét thấy bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông B cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông B mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Hồng G yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng G đối với ông Phạm Thanh B.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng G: Bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B chung sống có 03 con chung tên là trẻ Phạm Nguyễn Thành C (giới tính: nam), sinh ngày: 22/11/2017, trẻ Phạm Nguyễn Như N (giới tính: Nữ), sinh ngày: 18/9/2020 và trẻ Phạm Nguyễn Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày: 23/10/2009. Khi ly hôn, bà Giang yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là trẻ Phạm Nguyễn Thành C (giới tính: nam), sinh ngày: 22/11/2017, trẻ Phạm Nguyễn Như N (giới tính: Nữ), sinh ngày: 18/9/2020 và trẻ Phạm Nguyễn Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày: 23/10/2009. Bà G không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét trẻ Phạm Nguyễn Thành C, trẻ Phạm Nguyễn Như N và trẻ Phạm Nguyễn Ngọc H đang sống chung với bà G, bà G đã và đang chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho trẻ C, trẻ N và trẻ H. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ thì trẻ C và trẻ H muốn sống chung với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ về mọi mặt. Hội đồng xét xử giao trẻ Phạm Nguyễn Thành C, trẻ Phạm Nguyễn Như N và trẻ Phạm Nguyễn Ngọc H cho bà Nguyễn Thị Hồng G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Hồng G không yêu cầu ông Phạm Thanh B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà G nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông Phạm Thanh B đến khi bà G có yêu cầu.

Tại phiên tòa ông Phạm Thanh B vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày nguyện vọng về con chung khi ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng G về con chung: Giao 03 con chung là trẻ Phạm Nguyễn Thành C, trẻ Phạm Nguyễn Như N và trẻ Phạm Nguyễn Ngọc H cho bà Nguyễn Thị Hồng G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B, sau này có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3.3] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G xác nhận ông bà chung sống không có nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng G đối với ông Phạm Thanh B.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn 146, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T cấp ngày 27/11/2008 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên là trẻ Phạm Nguyễn Thành C (giới tính: nam), sinh ngày: 22/11/2017, trẻ Phạm Nguyễn Như N (giới tính: Nữ), sinh ngày: 18/9/2020 và trẻ Phạm Nguyễn Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày: 23/10/2009 cho bà Nguyễn Thị Hồng G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông B cho đến khi bà G có yêu cầu .

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B, sau này có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng G xác nhận ông bà chung sống không có nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042978 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hồng G đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng G và ông Phạm Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền